TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐST- DS	*TP. Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các các các Điều 463, 465, 295, 298, khoản 1 Điều 299, Điều 301, Điều 303, 317, 318, 319, 320, 323, 429, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNH ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Căn cứ khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T; Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng N, chi nhánh T (Văn bản ủy quyền số 125A/QĐ-NHNo.TP-GĐ ngày 01/6/2020)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974; Trú tại: đường N, khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị N; Sinh năm 1977; Trú tại: đường N, khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bà Võ Thị X; Sinh năm 1940; Trú tại: đường N, khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 06/5/2019 ông Nguyễn Văn T ký kết hợp đồng tín dụng số: 3715LAV201900911/HĐTD giữa Ngân hàng N: Chi nhánh T, phòng giao dịch Trung tâm với số tiền: 660.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích: Mua vật liệu, trả tiền nhân công, nuôi trồng thủy sản và chi phí khác. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/05/2020, lãi suất: 9,6%/năm. Khoản vay của ông T được bảo đảm bằng: Hợp đồng thế chấp số: TT20190504-01/HĐTC ký ngày 03 tháng 05 năm 2019 giữa Ngân hàng N: Chi nhánh T với bên thế chấp là bà Võ Thị X bên được cấp tín dụng ông Nguyễn Văn T theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AQ 095376 mang tên bà Võ Thị X do UBND thành phố Hà Tĩnh cấp ngày 29/11/2009; Thửa đất số: 120; Tờ bản đồ số: 10d; Địa chỉ: Khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị N có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/01/2021 là 790.799.343đ (trong đó, nợ gốc: 660.000.000đ, nợ lãi trong hạn 108.319.562đ, lãi quá hạn 22.479.781đ) và tiếp tục chịu lãi suất theo đúng thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 21/01/2021 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Bà Võ Thị X đồng ý giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bà Võ Thị X do UBND thành phố Hà Tĩnh cấp ngày 29/11/2009; Thửa đất số: 120; Tờ bản đồ số: 10d; Địa chỉ: Khối phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để Ngân hàng N yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị N phải chịu 17.815.986 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N 16.600.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001549 ngày 06/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTPHT;
- THADSTPHT;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trần Đức Chính